

Số: ..... /2016/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày ..... tháng ..... năm 2016

**Dự thảo**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tỉnh Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX (G).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Ánh**

## QUY ĐỊNH

### Đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2016/QĐ-UBND ngày tháng  
năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cách thức, tiêu chí và thang điểm đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tỉnh Cao Bằng.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là các cơ quan, đơn vị).

2. Danh sách các cơ quan, đơn vị áp dụng đánh giá, xếp hạng theo Quyết định này được liệt kê tại Phụ lục I.

#### Điều 3. Mục đích, ý nghĩa

1. Đánh giá thực trạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước để phục vụ công tác hoạch định, xây dựng chính sách, chiến lược, chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trong các giai đoạn tiếp theo.

2. Giúp các cơ quan, đơn vị biết được thực trạng mức độ ứng dụng của cơ quan, đơn vị mình so với các cơ quan, đơn vị khác để từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan hoặc tại địa phương mình.

3. Là cơ sở để đánh giá hiện trạng, sự quan tâm của lãnh đạo cơ quan, đơn vị đến việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, qua đó phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh theo dõi, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và điều hành của các cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 4. Nguyên tắc thực hiện**

1. Việc đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tại thời điểm đánh giá.

2. Cho phép cơ quan nhà nước tự đánh giá và đối chiếu với kết quả đánh giá của Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin qua việc công khai phương pháp đánh giá, cách tính điểm đối với các nội dung đánh giá.

3. Các chỉ tiêu đánh giá phải phù hợp với thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin chung và điều kiện thực tế của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

## **Chương II**

### **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Nội dung đánh giá**

Nội dung đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tỉnh căn cứ theo quy định của Thông tư số 06/2013/TT-BTTTT ngày 07/3/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước bao gồm các hạng mục:

1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.
2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước.
3. Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
4. Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin.

#### **Điều 6. Phương pháp đánh giá và cho điểm**

1. Việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước được thực hiện bằng hình thức cho điểm đối với các hạng mục đánh giá tại Điều 5 Quy định này.

2. Đánh giá việc cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước được theo dõi trong cả năm và được thực hiện trực tiếp trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Điểm tối đa đối với từng hạng mục như sau:

<b>TT</b>	<b>Hạng mục đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</b>	<b>Điểm tối đa cho UBND huyện, thành phố</b>
1	Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin	20	25
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan	20	20
3	Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	20	20
5	Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin	30	25
6	Nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin	10	10
<b>Tổng điểm</b>		<b>100</b>	<b>100</b>

Cách tính điểm chi tiết cho từng nội dung cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được trình bày tại Phụ lục II và cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được trình bày tại Phụ lục III kèm theo.

### **Điều 7. Xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin**

1. Việc xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước được thực hiện căn cứ vào số điểm của từng cơ quan, đơn vị để xếp hạng theo thứ tự từ cao đến thấp và xác định mức độ Tốt, Khá, Trung bình và Dưới trung bình:

a) Các cơ quan, đơn vị có tổng số điểm từ 90 điểm trở lên được xếp hạng: Tốt;

b) Các cơ quan, đơn vị có tổng số điểm trong khoảng từ 70 đến dưới 90 điểm được xếp hạng khá;

c) Các cơ quan, đơn vị có tổng số điểm trong khoảng từ 50 đến dưới 70 điểm được xếp hạng: Trung bình;

d) Các cơ quan, đơn vị có tổng số điểm dưới 50 điểm xếp hạng: Dưới trung bình.

2. Thực hiện xếp hạng tổng thể mức độ ứng dụng công nghệ thông tin đối với 2 nhóm cơ quan, đơn vị gồm:

a) Xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố.

### **Điều 8. Trình tự, thời gian thực hiện đánh giá, xếp hạng và công bố kết quả**

1. Trước ngày 01 tháng 11 hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo, cung cấp số liệu.

2. Các cơ quan, đơn vị gửi phiếu báo cáo kết quả hoạt động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 01 tháng 12 hàng năm. Các cơ quan, đơn vị gửi phiếu đánh giá chậm hoặc không gửi phiếu đánh giá thì xem như không được đánh giá, xếp hạng và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh do không thực hiện nghiêm túc quy định này.

3. Trên cơ sở số liệu cung cấp của các cơ quan, đơn vị, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, rà soát, đối chiếu số liệu, tính điểm đánh giá xếp hạng theo thang điểm tại Điều 6 Quy định này, trình Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh công bố báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan đơn vị trước ngày 01 tháng 01 hàng năm của năm tiếp theo.

### **Điều 9. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí cho hoạt động đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tỉnh hàng năm được dự toán chung vào kinh phí sự nghiệp của Sở Thông tin và Truyền thông.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị**

1. Tổ chức thực hiện đánh giá kết quả hoạt động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy định này và thực hiện báo cáo, cung cấp số liệu cho Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Tạo điều kiện để Sở Thông tin và Truyền thông làm việc trong quá trình khảo sát thực tế, thẩm định số liệu do cơ quan, đơn vị cung cấp.

3. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả đánh giá, xếp hạng triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị mình.

#### **Điều 11. Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì hoạt động đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tỉnh.

2. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Kịp thời cập nhật, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ

sung các tiêu chí đánh giá, xếp hạng kết quả hoạt động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin cho phù hợp với sự phát triển về công nghệ, yêu cầu của từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và công tác quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

### **Điều 12. Sở Tài chính**

Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, cấp kinh phí cho hoạt động đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước tỉnh theo quy định hiện hành.

### **Điều 13. Sở Nội vụ**

Đưa kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin theo Quy định này vào đánh giá bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

## Phụ lục I

# DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</b>	
1	Văn phòng UBND tỉnh	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Sở Giao thông Vận tải	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Sở Tài chính	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Sở Ngoại vụ	
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
9	Sở Y tế	
10	Sở Nội vụ	
11	Sở Xây dựng	
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
13	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	
14	Thanh tra tỉnh	
15	Sở Công thương	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	
18	Sở Tư pháp	
19	Ban Dân tộc	
20	Ban Quản lý khu kinh tế	
<b>II</b>	<b>UBND các huyện, thành phố</b>	
1	UBND thành phố Cao Bằng	
2	UBND huyện Bảo Lâm	
3	UBND huyện Bảo Lạc	
4	UBND huyện Hà Quảng	

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Ghi chú</b>
5	UBND huyện Hạ Lang	
6	UBND huyện Hòa An	
7	UBND huyện Nguyên Bình	
8	UBND huyện Quảng Uyên	
9	UBND huyện Phục Hòa	
10	UBND huyện Thạch An	
11	UBND huyện Thông Nông	
12	UBND huyện Trà Lĩnh	
13	UBND huyện Trùng Khánh	